

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SKHCN-BCVT&CĐS

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2026

V/v chấp thuận vị trí xây dựng
trạm phát sóng thông tin di động đối
với Mobifone Quảng Ngãi (đợt 1)

Kính gửi: Mobifone Quảng Ngãi

Theo đề nghị của Mobifone Quảng Ngãi tại Công văn số 328/MBF.QNg-VT ngày 27/3/2026 về việc thỏa thuận vị trí trạm BTS trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đợt 1 năm 2026; sau khi kiểm tra, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến, như sau:

1. Chấp thuận cho Mobifone Quảng Ngãi: 52 vị trí xây dựng trạm BTS, cụ thể: *theo Phụ lục đính kèm.*

2. Yêu cầu Mobifone Quảng Ngãi thực hiện nghiêm túc các nội dung sau trong quá trình triển khai:

- Chấp hành đúng quy định tại Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và các văn bản khác có liên quan.

- Khi thiết kế, xây dựng các trạm BTS phải tuân thủ các quy chuẩn ngành: QCVN 9:2016/BTTTT ngày 7/12/2016 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông; QCVN 32:2020/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông; QCVN 08:2022/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng và các quy chuẩn khác có liên quan.

- Trước khi đưa vào sử dụng phải thực hiện kiểm định trạm BTS theo đúng quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: số 07/2020/TT-BTTTT ngày 13/4/2020 Quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện; số 08/2020/TT-BTTTT ngày 13/4/2020 ban hành danh mục và quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định; và số 07/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT ngày 13/4/2020 ban hành danh mục và quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định.

- Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày chấp thuận, nếu không tiến hành xây dựng, Mobifone Quảng Ngãi phải báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ bằng văn bản để theo dõi và quản lý.

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo để Mobifone Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND cấp xã¹ (phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, BCVT&CĐS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trọng Tâm

¹ Đăk Pék, Phường Kontum, Kon Đào, Sa Bình, Ngọc Bay, Đăk Cẩm, Măng Bút, Đăk Bla, Đăk Tơ Kan, Đăk Hà, Lân Phong, Ba Vi, Khánh Cường, Nghĩa Lộ, Nghĩa Hành, Cẩm Thành, Mộ Đức, Vạn Tường, Đông Sơn, Minh Long, Trường Giang, Bình Minh, Trà Bồng, Hương Trà, Ba Động, Dục Nông, Đăk Mar, Đăk Tờ Re, Tu Mơ Rông, Phô Thạnh, Ia Chim, Sơn Kỳ, Sơn Linh.

PHỤ LỤC

Chấp thuận 52 vị trí xây dựng Trạm BTS cho Mobifone Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số /SKHCN-BCVT&CDS ngày /4/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã trạm	Địa chỉ		Tọa độ		Loại cột anten	Độ cao cột (m)
		Xã, Phường	Thôn/Tổ	Kinh độ	Vĩ độ		
1	26QNI0004	Đăk Pék	Thôn Dak Dung	107.7461	15.0694	A2b	42
2	26QNI0005	Phường Kontum	78/1 Hẻm Nguyễn Văn Trỗi	108.01116	14.34623	A2b	28
3	26QNI0006	Phường Kontum	Bệnh viện Vạn Gia An, 407 Bà Triệu	107.99787	14.35443	A1a	5
4	26QNI0007	Kon Đào	thôn Dak Rô Gia	107.8535	14.762	A2b	42
5	26QNI0008	Sa Bình	Thôn Tân Sang	107.858962	14.475767	A2b	42
6	26QNI0010	Ngọc Bay	thôn Măng La	107.9427	14.3798	A2b	42
7	26QNI0012	Phường Kontum	57 Âu Cơ	107.99431	14.36139	A2a	12
8	26QNI0013	Đăk Cắm	232 Trường Chinh	108.004476	14.362394	A2b	28
9	26QNI0017	Phường Kontum	Hẻm 212 Đường Phan Đình Phùng	108.001127	14.36133	A2b	28
10	26QNI0020	Măng Bút	Thôn Đăk Niêng	108.184385	14.838933	A2b	42

STT	Mã trạm	Địa chỉ		Tọa độ		Loại cột anten	Độ cao cột (m)
		Xã, Phường	Thôn/Tổ	Kinh độ	Vĩ độ		
11	26QNI0021	Măng Bút	Thôn Ko Chắt	108.174801	14.883106	A2b	42
12	26QNI0024	Đăk Bla	90 Nguyễn Văn Linh	107.993226	14.338498	A2b	36
13	26QNI0026	Đăk Tơ Kan	Thôn Kon H Nông	107.8588	14.7942	A2b	42
14	26QNI0028	Phường Kontum	Tổ 5	108.0145839	14.37309888	A2b	42
15	26QNI0031	Đăk Hà	xã Đăk Hà	107.934792	14.533428	A2b	42
16	26QNI0032	Đăk Hà	Thôn 7	107.945717	14.43719	A2b	42
17	26QNI0039	Lân Phong	Thôn Tú Sơn 2	108.897211	14.889393	A2b	42
18	26QNI0040	Ba Vĩ	Thôn Trui	108.557876	14.761199	A2b	42
19	26QNI0041	Khánh Cường	Khu dân cư 2	108.977642	14.755768	A2b	42
20	26QNI0043	Nghĩa Lộ	Lô E 5-15 đường số 10, KDC Ngọc Bảo Viên	108.801388	15.10488	A1a	5
21	26QNI0047	Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành	108.778	15.04949	A2b	28
22	26QNI0048	Cầm Thành	Phường Cầm Thành	108.82223	15.103846	A1a	5
23	26QNI0052	Cầm Thành	408 Nguyễn Nghiêm	108.801254	15.120409	A1a	5

STT	Mã trạm	Địa chỉ		Tọa độ		Loại cột anten	Độ cao cột (m)
		Xã, Phường	Thôn/Tổ	Kinh độ	Vĩ độ		
24	26QNI0060	Khánh Cường	Thôn Tinh Sơn	108.991112	14.714455	A2b	42
25	26QNI0064	Cẩm Thành	Đường Ngọc Cảnh	108.807235	15.103309	A1a	5
26	26QNI0067	Nghĩa Lộ	Hẻm 363 Nguyễn Trãi	108.784681	15.115091	A2b	42
27	26QNI0068	Mộ Đức	Thôn Phước Hoang Hoà	108.843097	14.937226	A2b	42
28	26QNI0071	Nghĩa Lộ	42 Trần Quang Diệu	108.795953	15.118516	A1a	5
29	26QNI0074	Vạn Tường	Tòa nhà khách sạn The Harmonia Hotel	108.788894	15.361368	A2a	12
30	26QNI0076	Đông Sơn	Thôn Liên Trì	108.78099	15.26304	A2b	42
31	26QNI0077	Minh Long	Thôn 2	108.71024	14.94095	A2b	42
32	26QNI0078	Trường Giang	Xã Trường Giang	108.61635	15.15132	A2b	42
33	26QNI0079	Bình Minh	Thôn Tân Phước	108.700962	15.27408	A2b	36
34	26QNI0080	Trà Bồng	Xã Trà Bồng	108.364157	15.165585	A2b	42
35	26QNI0081	Hương Trà	Xã Hương Trà	108.406737	15.193144	A2b	42

STT	Mã trạm	Địa chỉ		Tọa độ		Loại cột anten	Độ cao cột (m)
		Xã, Phường	Thôn/Tổ	Kinh độ	Vĩ độ		
36	26QNI0086	Cẩm Thành	Tòa nhà trường ĐH CN TPHCM - Phân hiệu Quảng Ngãi	108.809577	15.108938	A2a	12
37	26QNI0087	Cẩm Thành	Trung tâm Hội Nghị và Triển lãm tỉnh Quảng Ngãi	108.813593	15.110779	A1a	5
38	26QNI0088	Vạn Tường	Tổ số 2	108.818314	15.373323	A2b	36
39	26QNI0091	Vạn Tường	Xóm An Hòa	108.835766	15.346078	A2b	36
40	26QNI0096	Ba Động	Thôn Suối Loa	108.7498376	14.8072677	A2b	42
41	27QNI0001	Dục Nông	Thôn Dục Nông 3	107.66375	14.83597	A2b	42
42	27QNI0006	Đăk Hà	Xã Đak Hà	107.9328	14.5153	A2b	42
43	27QNI0015	Đăk Mar	Thôn 3	107.9074	14.5339	A2b	42
44	27QNI0016	Đăk Tờ Re	Thôn 7	108.115332	14.396805	A2b	42
45	27QNI0019	Tu Mơ Rông	Thôn Tu mo rong	107.947498	14.83389	A2b	42
46	27QNI0025	Phổ Thạnh	Xóm 5	109.072297	14.696688	A2b	42
47	27QNI0032	Nghĩa Lộ	Phường Nghĩa Lộ	108.804498	15.127508	A1a	5

STT	Mã trạm	Địa chỉ		Tọa độ		Loại cột anten	Độ cao cột (m)
		Xã, Phường	Thôn/Tổ	Kinh độ	Vĩ độ		
48	26QNI0099	Ia Chim	Thôn Nghĩa An	107.923843	14.312843	A2b	42
49	26QNI0109	Đông Sơn	Thôn Ba Làng	108.939084	15.240277	A2b	42
50	26QNI0112	Sơn Kỳ	Xóm Gò Rổi	108.520096	14.85611	A2b	42
51	26QNI0114	Đông Sơn	Xóm 3	108.921714	15.232687	A2b	42
52	26QNI0119	Sơn Linh	Xã Sơn Linh	108.564857	15.006425	A2b	42